

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
CỬ NHÂN SƯ PHẠM GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ**

(kèm theo Quyết định số 2353/QĐ-ĐHSP ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên)

I. Mô tả chương trình đào tạo

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị được rà soát, điều chỉnh, bổ sung năm 2022 trên cơ sở mục tiêu phát triển các ngành sư phạm thuộc trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên đáp ứng yêu cầu đào tạo theo nhu cầu xã hội, phù hợp với chương trình Giáo dục phổ thông môn Giáo dục công dân năm 2018 trên cơ sở đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

Trong quá trình cập nhật, điều chỉnh, Chương trình đào tạo có sự kế thừa chương trình đã xây dựng trước đó; đồng thời có tham khảo các chương trình sư phạm cùng nhóm ngành trong nước. Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị còn dựa trên cơ sở bám sát cách tiếp cận phát triển năng lực người học, phù hợp với định hướng phát triển giáo dục phổ thông. Các học phần trong chương trình được giảng dạy bởi những giảng viên đạt chuẩn và trên chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

Chương trình đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị được đào tạo dựa trên nền tảng đầy đủ về cơ sở vật chất của trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Các yếu tố về cơ sở vật chất như phòng học, thư viện, sân thể thao... đều đáp ứng yêu cầu học tập và rèn luyện cho người học. Khi tham gia học Chương trình này, người học còn được hưởng các chính sách ưu tiên theo quy định của Nhà nước. Sinh viên tốt nghiệp ra trường có cơ hội việc làm cao và được nhà tuyển dụng đánh giá tốt về khả năng làm việc cũng như năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Cử nhân sư phạm Giáo dục Chính trị
Tên chương trình (tiếng Anh)	Bachelor of Political Education
Mã ngành đào tạo	7140205
Trường cấp bằng	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	133

Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Học sinh tốt nghiệp THPT
Thang điểm đánh giá	10
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo: 133; - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên; - Có chứng chỉ giáo dục quốc phòng và giáo dục thể chất; - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ. - Đạt chuẩn đầu ra về công nghệ thông tin.
Vị trí việc làm	Sau khi tốt nghiệp sinh viên có thể đảm nhận các vị trí làm việc sau: - Giáo viên dạy Giáo dục công dân ở trường THCS - Giáo viên dạy môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT - Giáo viên dạy môn GDCD, môn Chính trị tại các trường trung cấp chuyên nghiệp và trường dạy nghề. - Giảng viên giảng dạy Lý luận chính trị tại các Viện, Học viện, các trường Đại học, cao đẳng; các trường và trung tâm Chính trị sau khi học thạc sỹ. - Công chức, viên chức công tác tại các cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương.
Học tập nâng cao trình độ	- Người tốt nghiệp có thể tiếp tục học thạc sỹ và tiến sỹ các chuyên ngành chuyên sâu Lý luận chính trị, Hồ Chí Minh học, Chính trị học, Tôn giáo học, Kinh tế học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Quản lý giáo dục... - Có thể tham gia các chương trình/khóa đào tạo, bồi dưỡng sau đại học tại nước ngoài hoặc của các tổ chức quốc tế tại Việt Nam
Chương trình tham khảo khi xây dựng	- Chương trình cử nhân Giáo dục chính trị, cử nhân Giáo dục công dân của trường ĐHSPP Hà Nội - Chương trình cử nhân Giáo dục công dân của trường ĐHSPP Hà Nội 2 - Chương trình cử nhân Giáo dục Chính trị của trường ĐHSPP Thành phố Hồ Chí Minh - Chương trình cử nhân Giáo dục chính trị của trường ĐHSPP - Đại học Đà Nẵng

Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	8/2022
-----------------------------------	--------

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Sư phạm GDCT có chất lượng cao; có năng lực nghiên cứu khoa học và đổi mới, sáng tạo, chuyển giao tri thức; có tinh thần trách nhiệm cao trong nghề nghiệp; đáp ứng yêu cầu xã hội và phục vụ đắc lực sự nghiệp giáo dục - đào tạo, phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, đặc biệt là khu vực trung du, miền núi phía Bắc.

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1. Có tri thức toàn diện, chuyên sâu về ngành GDCT, LLCT, GDCT, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

PO2. Có kiến thức cơ bản về Lý luận dạy học, giáo dục, đặc biệt là các kiến thức lý luận dạy học GDCT, GDCT, Giáo dục Kinh tế và pháp luật.

PO3. Có kiến thức về công nghệ thông tin và truyền thông; có trình độ tiếng Anh cơ bản và kiến thức về quốc phòng, an ninh

PO4. Có năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo, hợp tác và giao tiếp trong hoạt động thực tiễn nghề nghiệp.

PO5. Có kỹ năng về công nghệ thông tin và truyền thông; kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

PO6. Sử dụng có hiệu quả các phương pháp, hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của người học.

PO7. Có khả năng tự học, nâng cao trình độ, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và giải quyết những yêu cầu của lý luận, thực tiễn giáo dục, thích ứng để học tập.

PO8. Có phẩm chất đạo đức tốt, có trách nhiệm với xã hội, có năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm.

PO9. Có trách nhiệm với đất nước, trung thành với chế độ, mục tiêu lý tưởng của Đảng. Biết bảo vệ những cái tốt, cái đúng, cái tiến bộ và biết phê phán những cái xấu, cái bảo thủ, lạc hậu.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết kế để đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau đây:

4.1. Về kiến thức

** Kiến thức chung:*

PLO1. Hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật trong hoạt động thực tiễn của bản thân.

PLO2. Vận dụng được các kiến thức tâm lý học, giáo dục học, quản lý nhà trường để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục.

** Kiến thức chuyên môn:*

PLO3. Hiểu được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế và pháp luật cần thiết cho công việc và hoạt động thực tiễn của bản thân.

PLO4. Vận dụng được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu về khoa học lý luận chính trị, kinh tế và pháp luật vào dạy học GDĐCD ở trường phổ thông và các môn lý luận chính trị ở trường chuyên nghiệp.

PLO5. Hiểu được các kiến thức về phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục Đạo đức, Giáo dục Công dân, Giáo dục Kinh tế và pháp luật và các môn Lý luận chính trị.

PLO6. Vận dụng được các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về lý luận chính trị để giải quyết những công việc đảng, đoàn thể và chính quyền nhà nước.

4.2. Về kỹ năng

** Kỹ năng chung:*

PLO7. Tổ chức thực hiện được hoạt động dạy học, giáo dục, tư vấn và hướng nghiệp.

PLO8. Sử dụng thành thạo công nghệ thông tin trong giáo dục, nghiên cứu khoa học và thực tiễn nghề nghiệp.

PLO9. Sử dụng được tiếng Anh tương đương bậc 3/6 trong giao tiếp và hoạt động chuyên môn.

** Kỹ năng chuyên môn:*

PLO10. Vận dụng thành thạo các phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá trong dạy học bộ môn để phát triển năng lực người học.

PLO11. Vận dụng các kiến thức đã học để tổ chức và quản lý các hoạt động trải nghiệm, thực hành nghề nghiệp chuyên môn, nghiệp vụ một cách sáng tạo

PLO12. Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp, hợp tác, phân tích, đánh giá, phản biện các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn.

4.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

PLO13. Tạo dựng văn hoá và thực hiện hành vi ứng xử phù hợp với quy định về đạo đức nhà giáo, quy chế dân chủ ở cơ quan.

PLO14. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn vào quá trình làm việc độc lập, theo nhóm, học tập suốt đời; đánh giá để đưa ra kết luận và có giải pháp cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn.

PLO15. Vận dụng được kiến thức, kỹ năng đã học để phát triển nghề nghiệp và đổi mới sáng tạo.

5. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, PLO,														
	Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kỹ năng chung			Kỹ năng chuyên môn			Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
	PL O1	PL O2	PL O3	PL O4	PL O5	PL O6	PL O7	PL O8	PL O9	PL O10	PL O11	PL O12	PL O13	PL O14	PL O15
PO1	x		x	x	x	x						x	x	x	x
PO2		x			x	x	x			x	x	x		x	x
PO3								x	x	x				x	x
PO4	x	x		x			x					x		x	x
PO5								x	x	x					
PO6		x			x			x		x					
PO7			x	x			x			x	x	x	x	x	x
PO8			x										x	x	x
PO9	x		x	x		x	x				x	x	x	x	x

6. Phương pháp/chiến lược dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

6.1. Phương pháp/chiến lược dạy - học

6.1.1. Chuẩn bị của giảng viên

- Chuẩn bị hồ sơ dạy học: Đề cương học phần, Kế hoạch dạy học, Giáo trình, sách tham khảo...

- Chuẩn bị phương pháp và những hình thức dạy học thích với từng học phần, góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, năng lực cho sinh viên

- Chuẩn bị thiết bị dạy học và phương tiện dạy học phù hợp với từng học phần, góp phần rèn luyện kiến thức, kỹ năng, năng lực cho sinh viên

6.1.2. Các phương pháp/chiến lược dạy học

Mỗi học phần trong chương trình đều được sử dụng phối hợp nhiều phương pháp dạy học khác nhau như: thuyết trình, thảo luận, dự án, nghiên cứu trường hợp, thực hành, bài tập...

Phương pháp thuyết trình tích cực: Được sử dụng chủ yếu trong giảng dạy nội dung kiến thức lí thuyết của các học phần. Trong khi giảng bằng phương pháp này, giảng viên sử dụng kết hợp với các phương pháp khác và trình chiếu để làm tăng hiệu quả sử dụng phương pháp. Mục đích của việc sử dụng phương pháp này là giúp sinh viên có được các kiến thức nền tảng, chuyên sâu; kỹ năng phân biện, sáng tạo; năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp đàm thoại: Được sử dụng đối với những nội dung kiến thức phức hợp có tính thực tiễn cao đòi hỏi phải huy động tri thức, vốn hiểu biết, sự trải nghiệm của sinh viên. Mục đích là giúp sinh viên kết nối kiến thức khoa học với kiến thức thực tiễn, từ đó làm giàu vốn sống, tích lũy kiến thức để áp dụng vào thực tiễn cuộc sống và hoạt động thực tiễn của bản thân sau tốt nghiệp.

Phương pháp thảo luận: Được sử dụng đối với những nội dung kiến thức phức hợp, khó đòi hỏi phải huy động tri thức, kỹ năng của nhiều sinh viên. Mục đích của phương pháp này là giúp sinh viên hiểu rõ hơn kiến thức phức hợp, khó; rèn luyện các năng lực: sử dụng ngôn ngữ, thuyết trình trước đám đông, làm việc theo nhóm...; hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Phương pháp dự án: Được sử dụng đối với những nội dung kiến thức phức hợp, đòi hỏi phải có sự tham gia của nhiều người trong một thời gian nhất định. Mục đích của phương pháp này là giúp sinh viên hình thành kiến thức một cách có hệ thống; nâng cao năng lực hợp tác, lập kế hoạch, thực hiện kế hoạch chuyên môn một cách hợp lý.

Phương pháp nghiên cứu trường hợp điển hình: được sử dụng để gắn kết kiến thức lý thuyết với thực tế. Việc sử dụng phương pháp này giúp sinh viên hiểu rõ hơn ý nghĩa phương pháp luận của môn học và biết vận dụng lý luận đã học vào giải quyết những tình huống nảy sinh trong thực tế cuộc sống.

Phương pháp thực hành: Được sử dụng đối với các học phần thực hành độc lập hoặc được lồng vào nội dung của môn học. Mục đích là rèn luyện kỹ năng thực hành nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên, giúp sinh viên nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ.

Phương pháp giao bài tập: Được sử dụng đối với phần kiến thức bài tập. Mục đích là vận dụng kiến thức môn học vào việc giải quyết các bài tập thực hành và giải thích các hiện tượng nảy sinh trong thực tế cuộc sống liên quan đến môn học. Phương pháp này giúp hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, giúp nâng cao khả năng học tập suốt đời của sinh viên.

Ngoài ra, thích ứng với từng học phần, từng đơn vị kiến thức trong mỗi học phần, giảng viên sẽ khéo léo lồng ghép, hoặc sử dụng đa dạng các phương pháp khác nhau để tăng hiệu quả của dạy học; giúp sinh viên nắm bắt kiến thức nhanh hơn, hình thành kỹ năng cho sinh viên; giúp sinh viên nhận thức được trách nhiệm của bản thân trong học tập và thực tiễn cuộc sống.

6.1.3. Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học

Chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh định kỳ 2 năm/1 lần để điều chỉnh kịp thời với xu hướng phát triển của sách giáo khoa và chương trình phổ thông cũng như các quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Trong mỗi năm học, chương trình đều được thực hiện đúng với bản mô tả. Mỗi học kỳ, các bộ môn đều có kế hoạch dự giờ giảng viên nhằm đánh giá kết quả dạy học của giảng viên, trên cơ sở đó các giảng viên giúp đỡ, chia sẻ kinh nghiệm để nâng cao chất lượng dạy học.

Trong mỗi năm học, các học phần được giảng dạy trong năm còn được định kỳ lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, từ đó giúp giảng viên điều chỉnh quá trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

6.2. Phương pháp kiểm tra đánh giá

6.2.1. Hình thức đánh giá của học phần và trọng số điểm

Sử dụng thang điểm 10 (mười) cho tất cả các đánh giá trong khóa học

6.2.2. Tiêu chí đánh giá và thanh điểm (Rubrics đánh giá)

Số tín chỉ của học phần	Số điểm đánh giá quá trình			Tổng số đầu điểm quá trình
	Chuyên cần	Thường xuyên	Số bài kiểm tra định kỳ	
2	1	1	1	3
3-4	1	2	2	5
5	1	2	3	6

- Trọng số điểm:

+ Đánh giá quá trình: 50% (số % các điểm đánh giá quá trình của từng học phần được quy định chi tiết trong đề cương học phần)

+ Thi kết thúc học phần: 50%

II. Mô tả chương trình dạy học

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ	Loại học phần	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương: 27 tín chỉ	Bắt buộc	27
2.	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp: + Khối kiến thức chung của khối ngành (Kiến thức cơ sở ngành): 24 + Khối kiến thức chung của nhóm ngành (Kiến thức chuyên ngành): 32	Bắt buộc	50
		Tự chọn	6
3.	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm: 41 tín chỉ	Bắt buộc	38
		Tự chọn	3
4.	Khoá luận, các học phần thay thế khoá luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ	Bắt buộc	0
		Tự chọn	6
Tổng số			130

• Khối kiến thức giáo dục đại cương gồm 13 học phần, giúp người học có kiến thức nền tảng về khoa học xã hội, lý luận chính trị đại cương, tiếng Anh, giáo dục thể

chất, giáo dục quốc phòng để người học vận dụng những kiến thức đó vào thực tiễn nghề nghiệp của bản thân.

- Kiến thức chuyên nghiệp, gồm 16 học phần bắt buộc và 17 học phần tự chọn (chọn hai học phần trong 17 học phần), giúp người học có được kiến thức chuyên môn toàn diện, chuyên sâu ứng dụng vào thực tiễn nghề nghiệp chuyên môn của bản thân cũng như trong dạy học bộ môn Giáo dục chính trị, Giáo dục công dân, tổ chức các hoạt động giáo dục học sinh ở trường phổ thông. Đồng thời khối kiến thức này còn giúp người học phát triển các năng lực chuyên biệt cần thiết để sau này có thể làm tốt nghề nghiệp chuyên môn một cách khoa học, sáng tạo.

- Kiến thức nghiệp vụ sư phạm, gồm 12 học phần bắt buộc và 7 học phần tự chọn (chọn 1 học phần trong 7 học phần), giúp cho người học hiểu và vận dụng được các phương pháp giảng dạy, phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và sự tiến bộ của học sinh; người học biết vận dụng các tri thức đã học vào nghiên cứu, giảng dạy, tổ chức hoạt động trải nghiệm cho học sinh ở các cấp bậc học khác nhau.

- Khoa luận, các học phần thay thế khoa luận tốt nghiệp, gồm 06 học phần trong đó có 1 học phần khóa luận và 5 học phần tự chọn (chọn 2 học phần trong 5 học phần). Khối kiến thức này giúp cho người có hiểu biết sâu sắc hơn về lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ. Khối kiến thức này còn giúp người học phát triển năng lực nghiên cứu khoa học và thực hành chuyên môn nghề nghiệp một cách độc lập, sáng tạo và có thể tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

2. Danh sách các học phần

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ
Kiến thức chung			
1	59SPH141	Triết học Mác – Lênin	4
2	59SPE131	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	3
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
5	59HPV131	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3
6	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2
7	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2
8	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2
9	59MIE131	Giáo dục quốc phòng	5 tuần
10	59ENG131	Tiếng Anh 1	3
11	59ENG132	Tiếng Anh 2	3
12	59ENG143	Tiếng Anh 3	4
13	59GIF131	Tin học đại cương	3
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			
14	59LOG231	Lôgic học	3
15	59LSE231	Giáo dục kỹ năng sống	3
16	59CUL231	Văn hóa học	3
17	59MOH231	Phương pháp và phong cách HCM	3
18	59SPO231	Chính trị học	3

19	59FEC231	Kinh tế học đại cương	3
20	59AED231	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	3
21	59INR231	Quan hệ quốc tế	3
22	59MCM231	Chủ nghĩa tư bản hiện đại	3
23	59HPV231	Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	3
24	59HPT231	Lịch sử các học thuyết chính trị	3
25	59HET231	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3
26	59HST231	Lịch sử tư tưởng XHCN	3
27	59EER231	Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	3
28	59REL231	Tôn giáo học	3
29	59SCI231	Xã hội học	3
30	59SLA341	Pháp luật học	4
31	59CPR331	Hiến pháp và định chế chính trị	3
32	59DEE331	Kinh tế phát triển	3
33	59ECM331	Quản lý kinh tế	3
34	59TLC331	Lý luận và pháp luật về quyền công dân	3
35	59EDE331	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	3
36	59MOP331	Chuyên đề CNXH và những vấn đề của thời đại ngày nay	3
37	59PBM331	Lịch sử triết học	3
38	59SVP341	Chuyên đề Lịch sử Đảng và đạo đức Hồ Chí Minh	3
39	59CPB331	Xây dựng Đảng	3
41	59RPE331	Thực tế chuyên ngành Giáo dục Chính trị	3
41	59VSL331	Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	3
42	59ACS331	Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT	3
43	59PCW331	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học	3
44	59PEW331	Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị	3
45	59SSW331	Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXHKKH	3
46	59HMW331	Tác phẩm Hồ Chí Minh	3
Kiến thức nghiệp vụ sư phạm			
47	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3
48	59PEP431	Giáo dục học	3
49	59TMC431	Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GD CD, GDCT	3
50	59DTE431	Phát triển chương trình GD CD	2
51	59MCS441	Phương pháp dạy học môn GD CD ở trường THCS	4
52	59MEH441	Phương pháp dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT	4
53	59CTE431	Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD CD, GDCT	3
54	59PEH431	Thực hành sư phạm môn GD CD ở trường THCS	3
55	59PEH441	Thực hành sư phạm môn GD KT&PL	4
56	59COS 431	Giao tiếp sư phạm	3
57	59TRA431	Thực tập sư phạm 1	2
58	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3
59	59MTR431	Phương pháp luận NCKH ngành GDCT	3
60	59IAE431	Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	3
61	59PSC431	Xử lý tình huống sư phạm GD CD	3

62	59DIC431	Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GD&CD	3
63	59FAE431	Giáo dục gia đình	3
64	59SRH431	Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	3
65	59EED431	Giáo dục môi trường	3
Khoá luận tốt nghiệp, các học phần thay thế KLTN			
66	59POL961	Khoá luận tốt nghiệp	6
67	59OWE931	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GD&CD	6
68	59MTM931	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin	6
69	59VPD931	Văn kiện Đảng	6
70	59ICM931	Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	6
71	59MWP931	Triết học phương Tây hiện đại	6

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất

Học kỳ 1			Học kỳ 2		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Triết học Mác – Lênin	59SPH141	4	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	59SPE131	3
Tiếng Anh 1	59ENG131	3	Tiếng Anh 2	59ENG132	3
Giáo dục thể chất 2	59PHE112		Giáo dục thể chất 1	59PHE111	
Giáo dục kỹ năng sống	59LSE231	3	Lôgic học	59LOG231	3
Phương pháp và phong cách HCM	59MOH231	3	Đạo đức học và giáo dục đạo đức	59EDE331	3
Tâm lý học giáo dục	59EPS431	3	Chính trị học	59SPO231	3
Tự chọn			Tự chọn		
			Quan hệ quốc tế	59INR231	3
			Chủ nghĩa tư bản hiện đại	59MCM231	3
			Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	59HPV231	3
			Lịch sử các học thuyết chính trị	59HPT231	3
			Lịch sử các học thuyết kinh tế	59HET231	3
			Lịch sử tư tưởng XHCN	59HST231	3
			Lý luận dân tộc và	59EER231	3

			quan hệ dân tộc ở Việt Nam		
			Tôn giáo học	59REL231	3
			Xã hội học	59SCI231	3



Năm thứ hai

Học kỳ 3			Học kỳ 4		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Tiếng Anh 3	59ENG143	4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	59HCM121	2
Giáo dục thể chất 3	59PHE113		Tin học đại cương	59GIF131	3
Kinh tế học đại cương	59FEC231	3	Văn hóa học	59CUL231	3
Pháp luật học	59SLA341	4	Phương pháp dạy học môn GD CD ở trường THCS	59MCS441	4
Lý luận về PP dạy học GD CD, GDCT	59TMC431	3	Giao tiếp sư phạm	59COS 431	3
Chủ nghĩa xã hội khoa học	59SSO121	2			
Giáo dục học	59PEP431	3			
Tự chọn			Tự chọn		
			Xây dựng Đảng	59CPB331	3
			Thực tế chuyên ngành GDCT	59RPE331	3
			Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam	59VSL331	3
			Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT	59ACS331	3
			Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học	59PCW331	3
			Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị	59PEW331	3

			Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXHKH	59SSW331	3
			Tác phẩm Hồ Chí Minh	59HMW331	3

Năm thứ ba

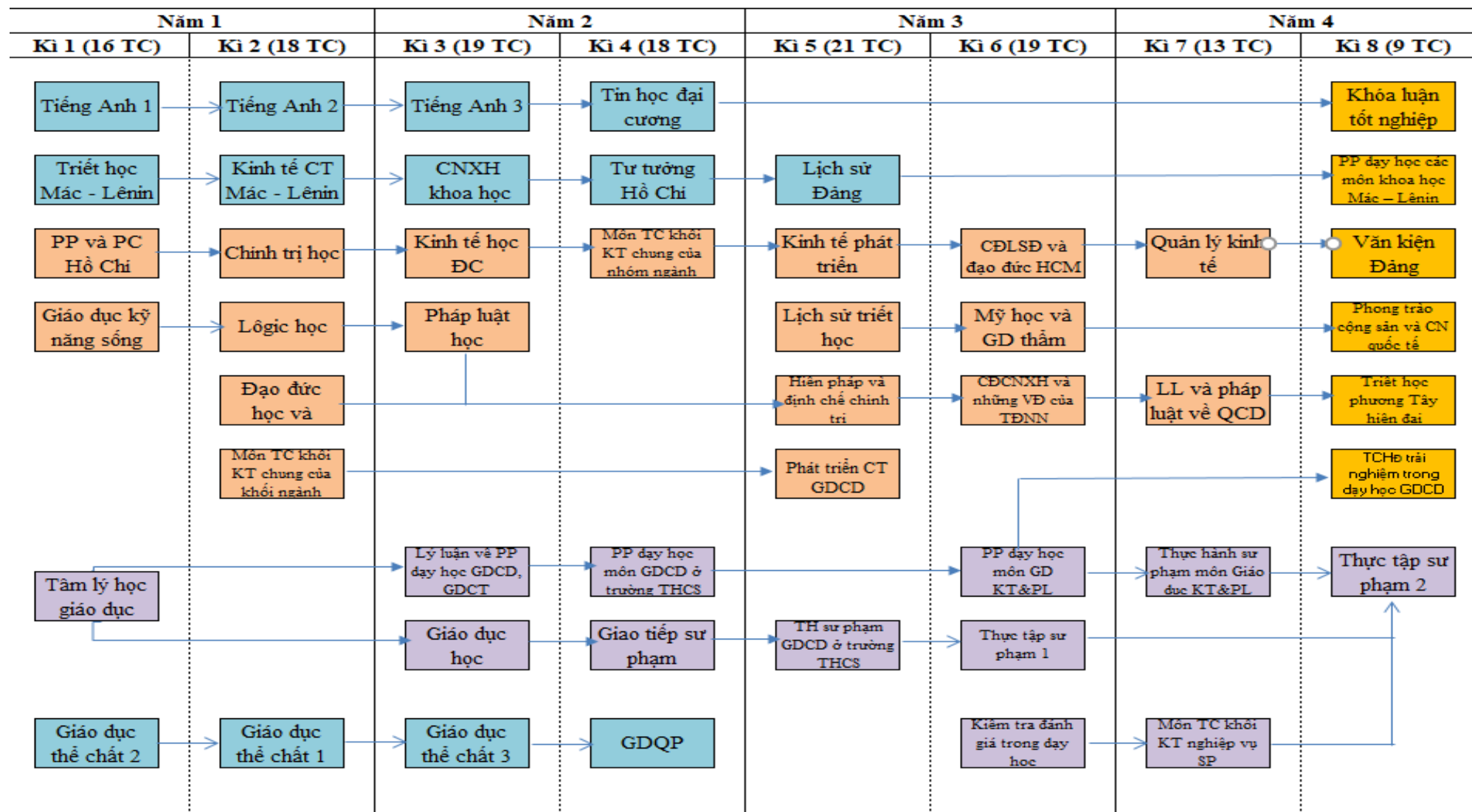
Học kỳ 5			Học kỳ 6		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	59HPV131	3	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	59AED231	3
Hiến pháp và định chế chính trị	59CPR331	3	Chuyên đề CNXH và những vấn đề của thời đại ngày nay	59MOP331	3
Kinh tế phát triển	59DEE331	3	Chuyên đề Lịch sử Đảng và đạo đức HCM	59SVP341	4
Lịch sử triết học	59PBM331	3	Phương pháp dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật	59MEH441	4
Phát triển chương trình GD CD	59DTE431	3	Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD CD, GD CT	59CTE431	3
Thực hành sư phạm môn GD CD ở trường THCS	59PEH431	3	Thực tập sư phạm 1	59TRA421	2

Năm thứ tư

Học kỳ 7			Học kỳ 8		
Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ	Học phần	Mã học phần	Số tín chỉ
Bắt buộc			Bắt buộc		
Quản lý kinh tế	59ECM331	3	Thực tập sư phạm 2	59TRA432	3
Lý luận và pháp luật về quyền công dân	59TLC331	3			
Thực hành sư phạm	59PEH441	4			

môn Giáo dục KT&PL					
Tự chọn			Tự chọn		
Phương pháp luận NCKH ngành GDCT	59MTR431	3	Khoá luận tốt nghệ nghiệp	59POL961	6
Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	59IAE431	3	Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GDCTD	59OWE931	3
Xử lý tình huống sư phạm GDCTD	59PSC431	3	Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin	59MTM931	3
Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GDCTD	59DIC431	3	Văn kiện Đảng	59VPD931	3
Giáo dục gia đình	59FAE431	3	Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	59ICM931	3
Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	59SRH431	3	Triết học phương Tây hiện đại	59MWP931	3
Giáo dục môi trường	59EED431	3			

* Sơ đồ lộ trình giảng dạy các học phần



Ghi chú:

Kiến thức giáo dục đại cương

Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

Kiến thức NVSP

Khóa luận TN và các học phần thay thế KLTN

4. Ma trận đóng góp của các khối kiến thức vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Đóng góp không rõ ràng; 1 = Đóng góp mức thấp;

2= Đóng góp mức trung bình; 3= Đóng góp mức cao)

Khối kiến thức	Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo														
	Kiến thức Chung		Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Đại cương	3	3	2	2	0	2	1	3	3	1	1	2	1	1	2
Chuyên nghiệp	3	1	3	3	1	3	2	1	0	2	3	2	2	2	3
NVSP	0	3	1	3	3	1	2	1	0	3	3	2	0	2	3
KLTN	3	2	2	1	1	1	0	0	0	2	1	1	1	2	3

5. Ma trận đóng góp của học phần vào mức độ đạt được chuẩn đầu ra

(0 = Đóng góp không rõ ràng; 1 = Đóng góp mức thấp; 2= Đóng góp mức trung bình;

3= Đóng góp mức cao)

Tên học phần	Mã học phần	CDR của chương trình đào tạo														
		Kiến thức chung		Kiến thức chuyên môn				Kĩ năng chung			Kĩ năng chuyên môn			NL tự chủ và trách nhiệm		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Triết học Mác – Lênin	59SPH 141	3	0	3	0	0	0	2	0	0	2	2	2	1	2	1
Kinh tế chính trị Mác – Lênin	59SPE 131	0	0	3	0	0	0	0	0	0	2	2	3	0	2	2
Chủ nghĩa xã hội khoa học	59SSO 121	3	0	3	3	0	3	0	0	0	0	0	2	1	1	1
Tư tưởng Hồ Chí Minh	59HCM 121	3	0	3	3	0	3	0	0	0	3	3	2	1	2	2
Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	59HPV 131	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	1
Giáo dục thể chất 1	59PHE 111	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	3	0
Giáo dục thể chất 2	59PHE 112	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	3	0
Giáo dục thể chất 3	59PHE 113	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	3	0
Giáo dục quốc phòng	59MIE 131	1	0	0	2	0	2	0	0	0	0	1	2	0	1	1
Tiếng Anh 1	59ENG 131	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	2	0

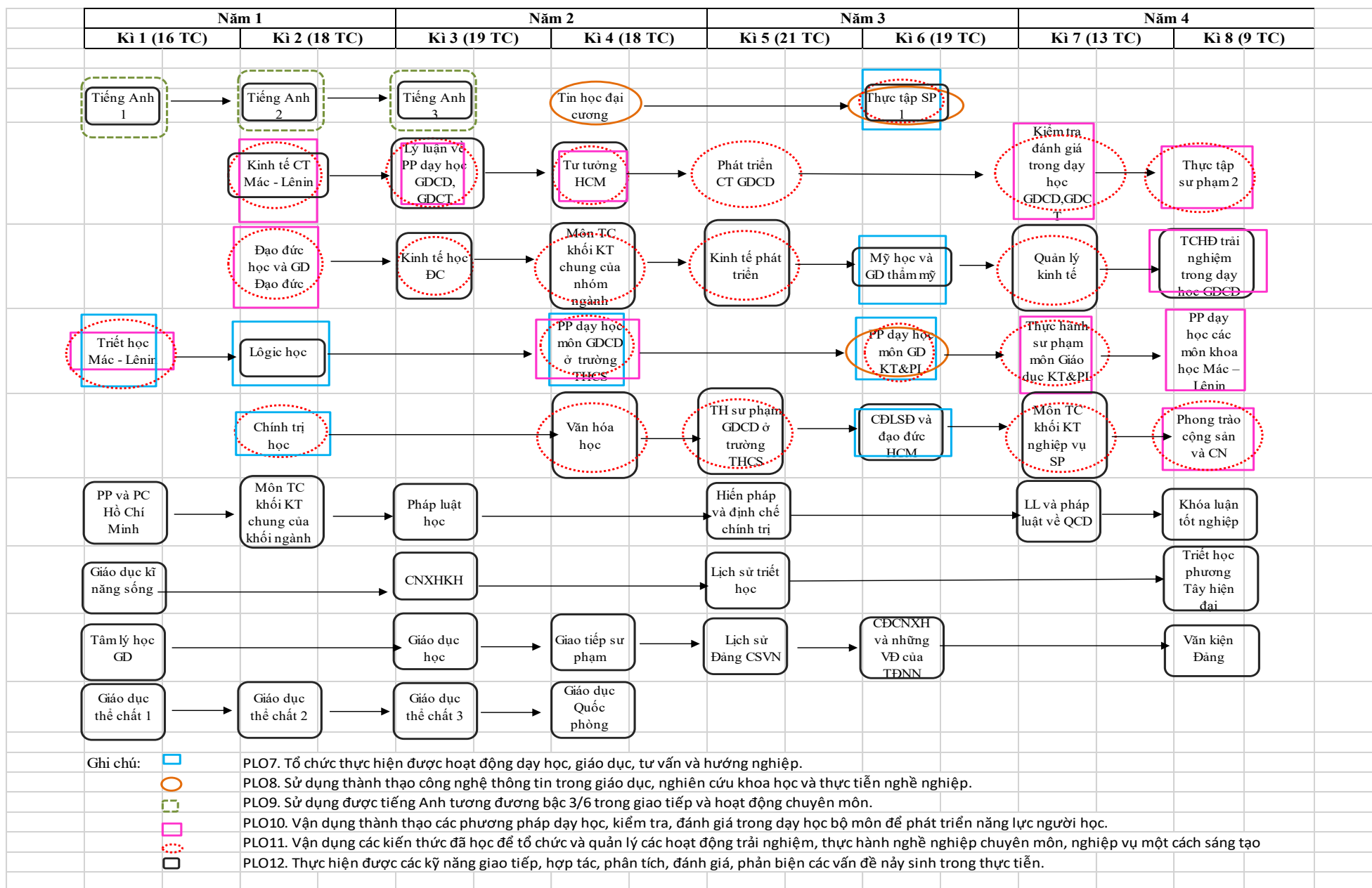
Tiếng Anh 2	59ENG 132	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	2	0
Tiếng Anh 3	59ENG 143	0	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	3	0	2	0
Tin học đại cương	59GIF 131	0	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	0	3	0
Lôgic học	59LOG2 31	0	0	0	0	0	0	3	0	0	0	0	3	0	3	2
Giáo dục kỹ năng sống	59LSE 231	0	0	2	2	2	0	1	0	0	1	1	1	0	1	2
Văn hóa học	59CUL 231	0	0	3	2	0	0	1	0	0	0	3	3	0	0	1
Phương pháp và phong cách HCM	59MOH 231	0	0	3	3	0	3	0	1	0	1	0	1	1	1	1
Chính trị học	59SPO 231	3	0	3	3	0	3	1	0	0	0	2	1	1	1	1
Kinh tế học đại cương	59FEC 231	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	3	0	2	1
Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	59AED 231	3	0	3	0	0	0	1	0	0	0	0	1	0	1	0
Quan hệ quốc tế	59INR 231	2	0	3	0	0	3	0	0	0	0	1	1	0	1	1
Chủ nghĩa tư bản hiện đại	59MCM 231	0	0	3	3	0	0	0	0	0	0	2	2	0	2	2
Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam	59HPV 231	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	2
Lịch sử các học thuyết chính trị	59HPT 231	3	0	3	3	0	3	0	0	0	0	1	1	0	2	2
Lịch sử các học thuyết kinh tế	59HET 231	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2
Lịch sử tư tưởng XHCN	59HST 231	3	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	2	1	0	2
Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam	59EER 231	3	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	2	1	1	1
Tôn giáo học	59REL 231	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2
Xã hội học	59SCI 231	3	0	3	0	0	3	0	1	0	2	2	2	0	1	1
Pháp luật học	59SLA 341	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1
Hiến pháp và định chế	59CPR	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1

chính trị	331															
Kinh tế phát triển	59DEE 331	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	3	3	0	2	2
Quản lý kinh tế	59ECM 331	0	0	3	2	2	0	0	0	0	0	2	2	0	2	0
Lý luận và pháp luật về quyền công dân	59TLC 331	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1
Đạo đức học và giáo dục đạo đức	59EDE 331	0	0	3	3	3	0	0	0	0	3	0	3	2	1	0
Chuyên đề CNXH và những vấn đề của thời đại ngày nay	59MOP 331	3	0	3	3	0	2	0	0	0	0	0	2	0	1	1
Lịch sử triết học	59PBM 331	0	0	3	1	0	0	0	0	0	0	0	2	0	0	2
Chuyên đề Lịch sử Đảng và đạo đức Hồ Chí Minh	59SVP 341	0	0	3	3	0	0	2	0	0	1	0	1	1	1	1
Xây dựng Đảng	59CPB 331	0	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	1	0	1	0
Thực tế chuyên ngành Giáo dục Chính trị	59RPE 331	2	0	2	2	0	1	0	0	0	0	2	3	2	1	2
Lịch sử nhà nước và pháp luật VN	59VSL 331	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1
Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT	59ACS 331	3	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	1
Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học	59PCW 331	0	0	3	2	0	0	0	0	0	0	0	2	0	1	0
Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị	59PEW 331	0	0	3	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	2
Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXHKKH	59SSW 331	3	0	3	0	0	1	0	0	0	0	0	3	1	2	0
Tác phẩm Hồ Chí Minh	59HMW 331	0	0	3	2	0	1	0	0	0	1	0	3	1	2	1
Tâm lý học giáo dục	59EPS 431	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	1	1	0
Giáo dục học	59PEP 431	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	2	3	1	1
Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GDCD, GDCT	59TMC 431	0	0	0	3	1	0	0	0	0	2	3	2	2	1	1
Phát triển chương trình GDCD	59DTE 431	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	2	0	0	3	3

Phương pháp dạy học môn GD&ĐT ở trường THCS	59MCS 441	0	0	0	0	3	0	3	0	0	3	2	2	2	2	2
Phương pháp dạy học môn GD KT&PL ở trường THPT	59MEH 441	0	0	1	3	2	2	2	2	0	3	1	0	1	1	2
Kiểm tra đánh giá trong dạy học GD&ĐT, GDCT	59CTE 431	0	0	0	0	3	0	0	0	0	2	2	0	0	1	1
Thực hành sự phạm môn GD&ĐT ở trường THCS	59PEH 431	1	0	0	1	3	0	0	1	0	3	3	1	2	1	2
Thực hành sự phạm môn GD KT&PL	59PEH 441	0	0	0	3	3	0	0	0	0	2	3	0	1	1	2
Giao tiếp sự phạm	59COS 431	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	3	0
Thực tập sự phạm 1	59TRA 431	0	3	0	0	0	1	2	3	0	1	2	3	1	0	1
Thực tập sự phạm 2	59TRA 432	1	1	0	1	1	0	1	1	0	1	3	1	2	0	2
Phương pháp luận NCKH ngành GD&ĐT	59MTR 431	3	0	3	3	1	1	0	1	0	1	1	2	1	1	1
Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp	59IAE 431	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	2	0	2	3
Xử lý tình huống sự phạm GD&ĐT	59PSC 431	0	0	0	0	2	0	0	0	0	0	1	1	2	2	2
Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GD&ĐT	59DIC 431	0	0	0	0	2	0	0	0	0	1	0	0	0	0	2
Giáo dục gia đình	59FAE 431	3	3	3	0	3	0	0	0	0	0	1	3	1	1	1
Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản	59SRH 431	1	0	2	0	0	2	0	0	0	0	2	1	2	1	1
Giáo dục môi trường	59EED 431	0	0	3	2	2	1	1	0	0	1	2	0	2	2	0
Khoá luận tốt nghiệp	59POL 961	3	1	3	3	2	1	1	1	0	1	1	1	1	2	2
Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GD&ĐT	59OWE 931	3	0	3	0	0	3	1	0	0	3	3	2	0	1	1
Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin	59MTM 931	0	0	0	0	3	0	0	0	2	3	1	1	1	2	2
Văn kiện Đảng	59VPD	2	0	2	0	0	1	1	0	0	0	0	1	0	1	1

	931															
Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế	59ICM 931	0	0	3	3	1	2	1	1	0	2	2	1	1	2	1
Triết học phương Tây hiện đại	59MWP 931	3	0	3	0	0	3	0	0	0	0	0	1	0	0	1

*** Ma trận phát triển kĩ năng**



6. Mô tả tóm tắt các học phần

6.1. Học phần: 59SPH141 - Triết học Mác – Lênin - Số tín chỉ: 4

Học phần này thuộc khối kiến đại cương, cung cấp kiến thức nền tảng những nguyên lý triết học của chủ nghĩa Mác – Lênin, bao gồm các vấn đề về thế giới quan duy vật biện chứng và phép biện chứng duy vật, như: Quan hệ biện chứng giữa vật chất, ý thức; hai nguyên lý, ba quy luật và sáu cặp phạm trù của phép biện chứng duy vật; Vấn đề lý luận nhận thức; những kiến thức cơ bản phản ánh quy luật vận động, phát triển của xã hội được thể hiện trong các nội dung: Học thuyết Hình thái kinh tế - xã hội; vấn đề giai cấp và nhân loại; vấn đề nhà nước và cách mạng xã hội; vấn đề tồn tại xã hội và ý thức xã hội; vấn đề con người trong triết học; vai trò của triết học Mác – Lênin trong thời đại ngày nay.

6.2. Học phần: 59SPE131 Kinh tế chính trị Mác – Lênin - Số tín chỉ: 3

Học phần trang bị các kiến thức về lý luận kinh tế chính trị của Mác – Ăngghen và Lê nin; về hình thức biểu hiện của các phạm trù, các quy luật, các hiện tượng kinh tế trong tình hình thế giới và Việt Nam hiện nay; về những vấn đề lý luận và thực tiễn của kinh tế chính trị trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trên góc độ kinh tế chính trị Mác – Lênin.

Học phần là sự kế tiếp tất yếu trong hệ thống các môn khoa học lý luận chính trị Mác – Lênin. Học phần vừa là sự cụ thể hoá, vừa bổ sung cho lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; là tiền đề để hiểu sâu sắc lý luận về chủ nghĩa xã hội khoa học; là điều kiện để học tốt các học phần tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, lịch sử học thuyết kinh tế, kinh tế học đại cương...

6.3. Học phần: 59SSO121: Chủ nghĩa xã hội khoa học - Số tín chỉ: 2

Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học làm rõ những quy luật và tính quy luật về chính trị - xã hội của quá trình hình thành, phát triển của hình thái kinh tế- xã hội cộng sản chủ nghĩa; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp để xây dựng chủ nghĩa xã hội. Học phần chủ nghĩa xã hội khoa học tập trung luận giải nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, xã hội xã hội chủ nghĩa, nền dân chủ và nhà nước xã hội chủ nghĩa, về vấn đề liên minh giai cấp, vấn đề dân tộc, tôn giáo, gia đình trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

6.4. Học phần: 59HCM121: Tư tưởng Hồ Chí Minh - Số tín chỉ: 2

Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục đại cương, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh. Đồng thời, tập trung luận giải nội dung những chuyên đề cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; tư tưởng về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; tư tưởng về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; tư tưởng về văn hoá, đạo đức và con người.

6.5. Học phần: 559HPV131: Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam - Số tín chỉ: 3

Môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam nằm trong khối kiến thức chung, cơ bản nghiên cứu về quá trình hình thành, phát triển của Đảng Cộng sản Việt Nam cũng như quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Cụ thể, nghiên

cứu về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và quá trình lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945); về quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1945 đến nay); khái quát những bài học lớn của cách mạng Việt Nam từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đến nay.

6.6. Học phần: 59PHE111: Giáo dục thể chất 1 - Số tín chỉ: 2

Học phần này trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về sơ lược nguồn gốc và lịch sử phát triển của môn Bơi; Ý nghĩa, tác dụng của môn Bơi đối với việc tăng cường và rèn luyện sức khỏe cho con người. Hiểu biết về đặc tính của môi trường nước liên quan tới người bơi như: Nguyên lý thủy tĩnh lực học, nguyên lý thủy động lực học, những lực cản tác động đến cơ thể người bơi; Học các giai đoạn của một kỹ thuật Bơi thể thao (Bơi ếch): Cách làm nổi người, lướt nước, học kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, phối hợp chân với tay, động tác thở, phối hợp động tác tay với thở; phối hợp tay- chân- thở hoàn thiện toàn bộ kỹ thuật kiểu Bơi ếch thể thao.

6.7. Học phần: 59PHE112: Giáo dục thể chất 2 - Số tín chỉ: 2

Học phần Giáo dục thể chất II (Tự chọn) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

6.8. Học phần: 59PHE113: Giáo dục thể chất 3 - Số tín chỉ: 2

Học phần Giáo dục thể chất 3 (Tự chọn 1 trong 4 môn: Bóng chuyền, Bóng đá, Cầu lông, Khiêu vũ thể thao) dành cho sinh viên không chuyên ngành GDTC Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về nguồn gốc, lịch sử, đặc điểm, lợi ích, tác dụng của môn thể thao; thực hiện được các kỹ - chiến thuật cơ bản của môn thể thao; phương pháp tập luyện và thi đấu; xác định được nguyên nhân và cách phòng ngừa các chấn thương thường gặp trong quá trình tập luyện và thi đấu. Hình thành những kỹ năng, kỹ xảo về kỹ thuật cơ bản môn thể thao, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe, góp phần rèn luyện các phẩm chất đạo đức, ý chí, tác phong nhanh nhẹn, tinh thần tập thể, có sức khỏe thực hiện các yêu cầu trong thực tiễn công việc và cuộc sống.

6.9. Học phần: 59MIE131: Giáo dục quốc phòng (5 tuần học liên tiếp tại TTGDQP)

Học phần Giáo dục quốc phòng và an ninh gồm 4 học phần với tổng thời lượng 165 tiết: Học phần I: Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam; Học phần II: Công tác quốc phòng và an ninh; Học phần III: Quân sự chung; Học phần 4: Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật. Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về lĩnh vực Quốc phòng và An ninh, trên cơ sở đó nâng cao nhận thức và lòng yêu nước

của sinh viên, khuyến khích sinh viên tham gia vào các hoạt động quốc phòng. Học phần còn đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra những tinh thần yêu nước, ý chí kiên cường trong công tác xây dựng và bảo vệ Tổ quốc cho sinh viên.

6.10. Học phần: 59ENG131: Tiếng Anh 1 - Số tín chỉ: 3

Môn Tiếng Anh 1 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên những vốn ngữ pháp cơ bản như thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, các cấu trúc so sánh, động từ khuyết thiếu và vốn từ vựng cơ bản về các chủ đề như sức khỏe, thể thao, giao thông và thử thách để phát triển được kỹ năng ngôn ngữ Bậc 2 ở mức cao. Đồng thời, môn học này cũng rèn luyện cho người học các kỹ năng sử dụng tiếng Anh để bày tỏ ý kiến, quan điểm và giải thích trong các tình huống giao tiếp; viết được các câu đúng ngữ pháp, các ghi chú ngắn, tin nhắn ngắn gọn theo các chủ đề quen thuộc hàng ngày.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học Spark và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.11. Học phần: 59ENG132: Tiếng Anh 2 - Số tín chỉ: 3

Môn Tiếng Anh 2 là học phần kế tiếp của Tiếng Anh 1, là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Môn Tiếng Anh 2 trang bị cho người học vốn từ vựng về các chủ đề môi trường, các sự kiện trong cuộc sống, nghề nghiệp, và khoa học - công nghệ. Bên cạnh đó, người học được củng cố các hiện tượng ngữ pháp cơ bản như danh từ đếm và không đếm được, quán từ số lượng, mạo từ, động từ có “to”, các dạng tương lai, giới từ, thì hiện tại hoàn thành, mệnh đề quan hệ xác định, câu điều kiện loại 1 và loại 0. Kiến thức trong học phần không chỉ mang tính học thuật mà còn bao gồm những thông tin và hiểu biết thực tế về các địa danh, con người và sự kiện ở một số quốc gia trên thế giới.

Học phần này tiếp tục rèn luyện cho người học các kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh ở cấp độ Bậc 3 thấp gồm nghe, nói, đọc và viết, đặt trong 4 chủ đề chính như đã nêu ở trên. Kết thúc học phần này, trong phạm vi các chủ đề đã học, người học có khả năng nói chuyện, nghe lấy ý chính và lấy thông tin, đọc hiểu ý chính và đọc lấy thông tin, viết thư thân mật.

Thông qua các bài học trên lớp và các bài tập thực hành trên phần mềm tự học MyELT và lớp học ảo sinh viên có thể củng cố được vốn kiến thức của mình đồng thời phát triển kỹ năng tự học và tự rèn luyện bản thân.

6.12. Học phần: 59ENG143: Tiếng Anh 3 - Số tín chỉ: 4

Môn Tiếng Anh 3 là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cử nhân sư phạm.

Học phần tiếng Anh 3 tiếp tục bổ sung cho sinh viên lượng từ vựng về các chủ đề Kỳ nghỉ; Sản phẩm; Lịch sử và Tự nhiên cùng với các chủ điểm ngữ pháp về câu bị động ở hiện tại và quá khứ; quá khứ hoàn thành, câu hỏi cho chủ ngữ và tân ngữ, tính từ

đuôi *-ing* và đuôi *-ed*; cấu trúc *used to*, câu gián tiếp; câu điều kiện loại 2, các đại từ bất định. Ngoài ra, ở học phần này, sinh viên tiếp tục được rèn luyện các kỹ năng giao tiếp trong tiếng Anh như: nghe hiểu được các cuộc hội thoại, các cuộc phỏng vấn và các bài viết; đọc hiểu các bài báo về các chủ đề được học; trình bày quan điểm cá nhân, lập kế hoạch hay phỏng vấn và rèn luyện kỹ năng viết đoạn văn đơn giản.

Cùng với các học phần tiếng Anh 1, 2, học phần tiếng Anh 3 tiếp tục phát triển kỹ năng sử dụng tiếng Anh cho sinh viên ở trình độ tiếng Anh bậc 3 ở mức trung bình theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam và sử dụng được trong hoạt động giao tiếp.

6.13. Học phần: 59GIF131: Tin học đại cương - Số tín chỉ: 3

Học phần Tin học đại cương cung cấp các kiến thức cơ bản về:

Cấu trúc chung của máy tính; xử lý lỗi cơ bản của máy tính; hệ điều hành.

Định dạng văn bản, chèn đối tượng vào văn bản, bảng biểu, công cụ trợ giúp soạn thảo trong Microsoft Word.

Định dạng và xử lý dữ liệu, công thức, các hàm cơ bản, biểu đồ trong Microsoft Excel.

Thao tác với slide; định dạng, thiết lập hiệu ứng cho đối tượng và slide; tạo siêu liên kết trong Microsoft PowerPoint.

Mạng máy tính và an toàn thông tin; một số ứng dụng cơ bản trên mạng Internet.

6.14. Học phần: 59LOG23: Logic học - Số tín chỉ: 3

Học phần logic học nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các hình thức, quy luật của logic hình thức như khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ...và các hình thức, nguyên tắc, quy luật của logic biện chứng như biện chứng của khái niệm, biện chứng của phán đoán, biện chứng của suy luận, các quy luật biện chứng chung, quy luật đi từ trừu tượng đến cụ thể, quy luật thống nhất giữa logic và lịch sử...

6.15. Học phần: 59LSE23: Giáo dục kỹ năng sống - Số tín chỉ: 3

Học phần này thuộc khối kiến thức cơ sở ngành, đề cập đến những vấn đề lý luận chung về kỹ năng sống và giáo dục kỹ năng sống cho học sinh trong giai đoạn hiện nay như: khái niệm kỹ năng sống, vai trò của kỹ năng sống trong cuộc sống đương đại; hệ thống những kỹ năng sống cơ bản đối với học sinh, giúp học sinh nhận thức được tầm quan trọng của giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng lòng say mê nghề nghiệp và chức trách của người giáo viên dạy môn GDCC trong việc góp phần giúp học sinh hình thành và rèn luyện những kỹ năng sống cần thiết cho công tác giảng dạy và trong cuộc sống. Cuối cùng, học phần cung cấp cho sinh viên một số định hướng tiếp cận cách thức lồng ghép nội dung giáo dục kỹ năng sống qua các bài dạy môn Giáo dục công dân ở trường THPT.

6.16. Học phần: 59CUL231: Văn hóa học - Số tín chỉ: 3

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản của lý luận về văn hoá và văn hóa học; các quy luật phát triển của văn

hóa; mối quan hệ giữa văn hóa và phát triển; bản sắc văn hóa dân tộc; văn hóa Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

6.17. Học phần: 59MOH231: Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh-Số tín chỉ: 3

Phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh là môn học bắt buộc thuộc phần kiến thức giáo dục chuyên nghiệp, nhằm cung cấp những kiến thức cơ bản về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh như: Những vấn đề chung về phương pháp và phong cách Hồ Chí Minh; hệ thống phương pháp cách mạng Hồ Chí Minh; hệ thống phong cách Hồ Chí Minh như phong cách tư duy, phong cách làm việc, phong cách diễn đạt, phong cách ứng xử và phong cách sinh hoạt. Đồng thời, môn học cũng khẳng định tầm quan trọng của việc vận dụng sáng tạo phương pháp cách mạng và phong cách Hồ Chí Minh trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay nhằm xây dựng Đảng thật sự trong sạch, xây dựng một Nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân

6.18. Học phần: 59SPO231: Chính trị học - Số tín chỉ: 3

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về những quy chính trị- xã hội và những phương thức để hiện thực hóa vấn đề quyền lực chính trị, động lực chính trị, xây dựng thể chế chính trị theo hướng dân chủ, xây dựng văn hóa chính trị và xử lý các tình huống, các điểm nóng chính trị - xã hội.

Học phần góp hình thành ở người học kỹ năng phản biện, kỹ năng đánh giá và giải quyết những vấn đề chính trị nảy sinh trong thực tiễn.

6.19. Học phần: 59FEC231: Kinh tế học đại cương - Số tín chỉ: 3

Môn học nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị, cung cấp những nội dung cơ bản về kinh tế học nói chung (kinh tế học vi mô và kinh tế học vĩ mô); luận giải hành vi kinh tế của các chủ thể cũng như tác động của chính phủ trong nền kinh tế. Môn học này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay, Kinh tế phát triển, Quản lý kinh tế....

6.20. Học phần: 59AED231: Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ - Số tín chỉ: 3

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về các quan điểm mỹ học Mác - Lênin, bao gồm các vấn đề về mỹ học và bản chất của giáo dục thẩm mỹ; chủ thể thẩm mỹ; khách thể thẩm mỹ; nghệ thuật và vai trò của nó trong đời sống thẩm mỹ; giáo dục thẩm mỹ.

6.21. Học phần: 59INR231: Quan hệ quốc tế - Số tín chỉ: 3

Quan hệ Quốc tế là môn học tự chọn, đối tượng nghiên cứu là những vấn đề quốc tế, khu vực và đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta. Cụ thể, môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về: Thời đại ngày nay và mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc; Các nước đang phát triển và vị trí của nó trong đời sống quan hệ quốc tế; Quan hệ giữa các quốc gia Đông Nam Á trong giai đoạn hiện nay; Chính sách đối ngoại của một số nước lớn sau Chiến tranh lạnh, Xu thế toàn cầu hóa và quá trình hội nhập của Việt Nam.

6.22. Học phần: 59MCM231: Chủ nghĩa tư bản hiện đại - Số tín chỉ: 3

Học phần Chủ nghĩa tư bản hiện đại cung cấp những kiến thức cơ bản về CNTB hiện đại ngày nay như đặc trưng cơ bản của CNTB hiện đại; đặc trưng căn ngành và vai trò của các công ty xuyên quốc gia trong nền kinh tế thế giới; tiềm năng cơ bản, giới hạn chủ yếu, xu hướng và triển vọng phát triển của CNTB hiện đại; quá trình điều chỉnh kinh tế của nhà nước ở các nước tư bản phát triển...

Học phần này có quan hệ với các môn khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị: Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác - Lênin, Kinh tế học đại cương, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Chính trị học, Những vấn đề thời đại ngày nay....

6.23. Học phần: 59HPV231: Lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam - Số tín chỉ: 3

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ bao gồm: Khái quát về lịch sử tư tưởng triết học Việt Nam (chương 1); tư tưởng triết học Việt Nam từ thời kỳ tiền sử đến thời kỳ Bắc thuộc (chương 2); tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ hình thành, củng cố quốc gia phong kiến độc lập (chương 3) và tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ tiến hành cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân (chương 4).

6.24. Học phần: 59HPT231: Lịch sử các học thuyết chính trị - Số tín chỉ: 3

Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về các học thuyết chính trị trong lịch sử từ thời cổ, trung đại đến thời cận đại và hiện đại, qua đó giáo dục cho sinh viên thế giới quan khoa học về các vấn đề chính trị - xã hội. Học phần Lịch sử các học thuyết chính trị góp phần hình thành và phát triển năng lực giao tiếp, phản biện đối với những quan điểm chính trị sai trái, thù địch đồng thời giáo dục và củng cố niềm tin của sinh viên vào thể chế chính trị ở Việt Nam.

6.25. Học phần: 59HET231: Lịch sử các học thuyết kinh tế - Số tín chỉ: 3

Là học phần thuộc hệ thống khối kiến thức chung của ngành, nhằm trang bị cho người học những nhận thức cơ bản về cơ sở lý luận và thực tiễn của việc hình thành các quan điểm, tư tưởng trong mỗi học thuyết kinh tế qua các giai đoạn lịch sử.

Nội dung cơ bản của học phần gồm đối tượng, phương pháp và chức năng nghiên cứu; lịch sử hình thành và phát triển, tính phê phán vốn có, thay thế hay bổ sung nội dung, tính lý luận và thực tiễn của các học thuyết kinh tế trong lịch sử phát triển tư tưởng kinh tế của nhân loại từ thế kỷ XV đến nay; Trên cơ sở lập trường của kinh tế chính trị Mác - Lê nin, đánh giá tính hai mặt của từng học thuyết kinh tế nhằm bảo vệ tính kế thừa, đúng đắn, khoa học, thời sự và sự không ngừng được bổ sung phát triển của kinh tế chính trị Mác - Lê nin. Học phần cũng tiếp cận những học thuyết kinh tế của kinh tế học tư sản hiện đại với mục đích chỉ ra giá trị thời sự trong hoạch định chính sách kinh tế vi mô và vĩ mô cho nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam hiện nay.

6.26. Học phần: 59HST231: Lịch sử tư tưởng XHCN - Số tín chỉ: 3

Học phần Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho sinh viên thế giới quan khoa học về chủ nghĩa xã hội.

Trên cơ sở khái quát, lược khảo tư tưởng xã hội chủ nghĩa từ thời cổ, trung đại đến thời cận đại và hiện đại. Học phần Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa làm rõ quá trình hình thành, các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học, qua đó, giáo dục lập trường chính trị tư tưởng, củng cố niềm tin của sinh viên vào nền tảng tư tưởng của Đảng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

6.27. Học phần: 59EER231: Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam - Số tín chỉ: 3

Học phần Lý luận dân tộc và quan hệ dân tộc trang bị cho sinh viên những tri thức cơ bản về dân tộc và quan hệ dân tộc ở Việt Nam; luận giải tính khoa học, cách mạng trong những quan điểm cơ bản có ý nghĩa phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, quan hệ dân tộc và đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong giải quyết vấn đề dân tộc. Qua đó, hình thành và phát triển ở sinh viên kỹ năng nhận diện những quan điểm sai trái, thù địch về vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

6.28. Học phần: 59REL231: Tôn giáo học - Số tín chỉ: 3

Học phần này nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, cung cấp tri thức lý luận chung về nguồn gốc, bản chất tôn giáo (chương 1); nội dung cơ bản của các tôn giáo lớn trên thế giới như: đạo Phật, đạo Ki-tô, đạo I-xlam (Hồi giáo) (chương 2); một số tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc Việt Nam (chương 3). Những quan điểm cơ bản của Hồ Chí Minh về tín ngưỡng, tôn giáo (chương 4); đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước ta về tín ngưỡng, tôn giáo (chương 5).

6.29. Học phần: 59SCI231: Xã hội học - Số tín chỉ: 3

Học phần Xã hội học góp phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về xã hội học như khái niệm, đối tượng, phương pháp và nhiệm vụ nghiên cứu của xã hội học; lịch sử hình thành xã hội học; các phạm trù cơ bản của xã hội học. Bên cạnh đó, xã hội học còn cung cấp các phương pháp nghiên cứu xã hội chuyên biệt để người học có thể vận dụng trong thực tiễn như: phương pháp phân tích tài liệu, phương pháp phỏng vấn, phương pháp metric xã hội, phương pháp điều tra xã hội học..... Trong học phần này, người học cũng được tiếp cận một số lĩnh vực nghiên cứu cơ bản của xã hội học như: xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học gia đình. Học phần này có mối liên hệ mật thiết với các học phần khác như triết học, kinh tế chính trị học, chủ nghĩa xã hội khoa học, pháp luật học, ...

6.30. Học phần: 59SLA341: Pháp luật học - Số tín chỉ: 4

Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về nguồn gốc, bản chất, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử, các vấn đề pháp lý cơ bản như: quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, ý thức pháp luật, giáo dục pháp luật, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật. Đồng thời môn học cung cấp những kiến thức cơ bản về một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như: Luật Hiến pháp, Luật Hành chính, Luật Hình sự, Luật Dân sự, Luật Lao động, Luật Hôn nhân và gia đình,...

6.31. Học phần: 59CPR331: Hiến pháp và định chế chính trị - Số tín chỉ: 3

Hiến pháp và định chế chính trị là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về lịch sử lập hiến của Việt Nam, nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, vị trí pháp lý, cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn, hình thức hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Tòa án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, Hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân.

6.32. Học phần: 59DEE331: Kinh tế phát triển - Số tín chỉ: 3

Môn học nằm trong khối kiến thức ngành đào tạo cử nhân Giáo dục Chính trị, cung cấp những nội dung cơ bản về kinh tế học phát triển; các phạm trù cơ bản của kinh tế phát triển cũng như các nguyên tắc phát triển kinh tế và phát triển bền vững đối với các nước đang phát triển nói riêng, toàn thể các quốc gia trên thế giới nói chung.

6.33. Học phần: 59ECM331: Quản lý kinh tế. - Số tín chỉ: 3

Học phần quản lý kinh tế thuộc hệ thống kiến thức kinh tế, cần trang bị cho người học với ý nghĩa là những kiến thức có tính liên ngành và tính ứng dụng thực tiễn cao.

Học phần nghiên cứu những nội dung cơ bản sau: Thứ nhất, những nguyên lý cơ bản của quản lý kinh tế, gồm vai trò, chức năng, phương pháp và nguyên tắc quản lý kinh tế; công cụ quản lý kinh tế, thông tin kinh tế và yêu cầu, quy trình ban hành, tổ chức thực hiện quyết định quản lý kinh tế. Thứ hai, những kiến thức cơ bản về văn hoá kinh doanh, đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp. Thứ ba, những nguyên lý cơ bản của khởi sự kinh doanh; cách thức hình thành ý tưởng kinh doanh và lập kế hoạch kinh doanh; yêu cầu chủ yếu để tạo lập doanh nghiệp. Thứ tư, những kiến thức cơ bản về tài chính, tín dụng, tiêu dùng; những kỹ năng, yêu cầu cơ bản đối với hoạt động tài chính, tín dụng và văn hóa tiêu dùng của cá nhân, gia đình.

6.34. Học phần: 59TLC331: Lý luận và pháp luật về quyền công dân- Số tín chỉ: 3

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, toàn diện về các vấn đề lý luận cũng như pháp luật về quyền công dân, bao gồm: khái niệm, đặc điểm, nội dung, lịch sử phát triển của quyền công dân trên thế giới và Việt Nam. Đồng thời, học phần giúp người học hiểu hơn về vai trò của các quy định pháp luật về quyền công dân, cơ chế và hệ thống đảm bảo quyền công dân ở một số nước trên thế giới và ở Việt Nam.

6.35. Học phần: 59EDE331: Đạo đức học và giáo dục đạo đức - Số tín chỉ: 3

Nằm trong khối kiến thức cơ sở ngành, học phần Đạo đức và giáo dục đạo đức cung cấp những kiến thức cơ bản về đạo đức học; các phạm trù đạo đức cơ bản; một số nguyên tắc đạo đức mới; một số yêu cầu về giáo dục phẩm chất đạo đức cá nhân; học tập và rèn luyện theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh và đạo đức nhà giáo; một số phương pháp dạy học và giáo dục đạo đức.

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng để xây dựng đạo đức cá nhân, rèn luyện đạo đức nhà giáo và vận dụng vào công tác dạy học, giáo dục và hướng nghiệp cho học sinh.

6.36. Học phần: 59MOP331: Chuyên đề CNXH và những vấn đề của thời đại ngày nay - Số tín chỉ: 3

Học phần Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học và những vấn đề của thời đại ngày nay trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về những vấn đề cốt yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa, những nội dung cơ bản của thời đại ngày nay và những chính sách của Đảng, Nhà nước trước những vấn đề cấp thiết của nhân loại. Qua đó, hình thành và phát triển ở người học năng lực giao tiếp, phản biện các quan điểm sai trái, thù địch với hệ tư tưởng Mác – Lênin về chủ nghĩa xã hội, với chính sách của Đảng và Nhà nước về quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập, toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng 4.0.

6.37. Học phần: 59PBM331: Lịch sử triết học - Số tín chỉ: 3

Học phần này nằm trong khối kiến thức ngành, cung cấp cho sinh viên khái lược về lịch sử triết học (chương 1); kiến thức triết học phương Đông như lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại, lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại (chương 1); kiến thức triết học phương Tây như lịch sử triết học Hy Lạp cổ đại, lịch sử triết học thời kỳ Trung cổ, lịch sử triết học thời kỳ Phục hưng và Cận đại, lịch sử triết học Cổ điển Đức (chương 3).

6.38. Học phần: 59SVP341: Chuyên đề Lịch sử Đảng và đạo đức Hồ Chí Minh - Số tín chỉ: 4

Chuyên đề Lịch sử Đảng và đạo đức Hồ Chí Minh là học phần nghiên cứu về chủ trương, đường lối của Đảng qua các thời kỳ, nghiên cứu về những vấn đề cơ bản của đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh. Trong phần 1 (Chuyên đề lịch sử Đảng) nghiên cứu về những bài học kinh nghiệm trong quá trình Đảng lãnh đạo cách mạng. Trong phần 2 (Chuyên đề đạo đức Hồ Chí Minh) cung cấp những vấn đề chung về đạo đức và vai trò của đạo đức cách mạng Hồ Chí Minh; tư tưởng, tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. Qua đó, thấy được vai trò của Đảng cộng sản và đạo đức Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng thế giới.

6.39. Học phần: 59CPB331: Xây dựng Đảng - Số tín chỉ: 3

Xây dựng Đảng là lý luận về đảng cách mạng - một bộ phận quan trọng trong hệ thống lý luận Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần Xây dựng Đảng là khoa học về sự lãnh đạo của Đảng đối với xã hội; về những nguyên tắc xây dựng nội bộ Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; cung cấp những luận cứ, cơ sở khoa học cho việc hoạch định chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng; trang bị cơ sở khoa học về nghiệp vụ công tác Đảng.

6.40. Học phần: 59RPE331: Thực tế chuyên ngành Giáo dục Chính trị - Số tín chỉ: 3

Môn Thực tế chuyên ngành Giáo dục chính trị gồm 03 nội dung chính: (1). Nghiên cứu về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam; (2). Khảo sát thực tế và nghiên cứu các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của Việt Nam; (3). Khảo sát thực tế và nghiên cứu về các vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội của một số địa phương cụ thể. Môn học được tiến hành ở các tỉnh với thời gian từ 3 đến 5 ngày. Sinh viên được trải nghiệm bài học lý thuyết vào thực tế tại các điểm thực tế.

6.41. Học phần: 59VSL331: Lịch sử nhà nước và pháp luật VN - Số tín chỉ: 3

Lịch sử nhà nước và pháp luật Việt Nam là học phần bắt buộc thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục chính trị. Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức cơ bản về nhà nước và pháp luật Việt Nam qua các giai đoạn: Sự hình thành nhà nước đầu tiên trong lịch sử Việt Nam; nhà nước và pháp luật giai đoạn đấu tranh chống đồng hóa của phong kiến Trung Quốc; nhà nước và pháp luật phong kiến độc lập; nhà nước và pháp luật trong thời kỳ nội chiến phân liệt; nhà nước và pháp luật giai đoạn từ 1802 đến 1945; nhà nước và pháp luật từ cách mạng tháng Tám năm 1945 đến nay.

6.42. Học phần: 59ACS331: Công tác Đảng và Đoàn thể trong trường PT - Số tín chỉ: 3

Công tác Đảng, đoàn thể trong trường phổ thông là học phần tự chọn thuộc phần kiến thức ngành trong chương trình cử nhân Giáo dục chính trị, góp phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về Công tác Đảng và đoàn thể trong trường học từ đối tượng nghiên cứu đến vị trí, vai trò tầm quan trọng của Đảng cũng như các tổ chức chính trị, xã hội trong trường học, trên cơ sở đó làm rõ nội dung, nhiệm vụ xây dựng Đảng và các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong trường học hiện nay.

6.43. Học phần: 59PCW331: Giới thiệu tác phẩm kinh điển Triết học-Số tín chỉ: 3

Môn học nằm trong khối kiến thức chuyên ngành, cung cấp cho sinh viên kiến thức về những nguyên lý triết học cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin như chủ nghĩa duy vật biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử, những quy luật của phép biện chứng, sự vận dụng phương pháp biện chứng vào giải quyết các vấn đề chủ yếu của khoa học tự nhiên bước ngoặt cách mạng trong triết học, vấn đề thống nhất giữa phép biện chứng, lý luận nhận thức và lôgic học... mà C.Mác, Ph.Ăngghen và V.L.Lênin đã đưa ra trong tác phẩm của mình. Bao gồm các tác phẩm: Hệ tư tưởng Đức, Chống Duy linh, Biện chứng tự nhiên, Lút vich Phơ bách - Sự cáo chung về triết học cổ điển Đức do Mác - Ăngghen viết. Tác phẩm Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán, Bút kí triết học do Lênin viết.

6.44. Học phần: 59PEW331: Giới thiệu tác phẩm kinh điển Kinh tế chính trị - Số tín chỉ: 3

Giới thiệu tác phẩm kinh điển kinh tế chính trị là môn học cơ bản trong hệ thống kiến thức kinh tế cần trang bị cho người học, với ý nghĩa cung cấp thông tin về tác giả và nội dung nguyên gốc của các vấn đề lý luận trong môn học kinh tế chính trị học.

Học phần có những nội dung cơ bản sau: Trên cơ sở trình bày hoàn cảnh ra đời, đối tượng, mục đích, phương pháp nghiên cứu và kết cấu của từng tác phẩm (tác phẩm *Tư bản* của Karl Marx, tác phẩm *Chủ nghĩa đế quốc, giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản* và tác phẩm *Bàn về thuế lương thực* của V.I.Lenin), môn học đi vào nghiên cứu nội dung chi tiết của từng tác phẩm theo hướng phân tích nội dung lý luận của các tác giả, chỉ ra biểu hiện của các vấn đề lý luận trong thực tiễn lịch sử và hiện tại nhằm bảo vệ giá trị thời sự vô cùng to lớn của các tác phẩm kinh điển.

6.45. Học phần: 59SSW331: Giới thiệu tác phẩm kinh điển CNXHKKH - Số tín chỉ: 3

Giới thiệu tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học là học phần nằm trong hệ thống kiến thức chuyên ngành. Học phần góp phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nội dung, giá trị lý luận và thực tiễn trong các quan điểm của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về tính tất yếu ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học, về hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, về nhà nước, dân chủ, cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, về cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội muốn phủ nhận học thuyết Mác – Lênin. Môn học góp phần hình thành, phát triển kỹ năng phản biện đối với những quan điểm sai trái, thù địch về một số vấn đề cốt yếu của chủ nghĩa xã hội đồng thời củng cố niềm tin của người học vào giá trị, ý nghĩa phương pháp luận của một số tác phẩm kinh điển chủ nghĩa xã hội khoa học của C. Mác, Ph.Ăngghen và V.I. Lênin.

6.46. Học phần: 59HMW331: Tác phẩm Hồ Chí Minh - Số tín chỉ: 3

Môn học giới thiệu một số tác phẩm tiêu biểu của Hồ Chí Minh nhằm phục vụ cho yêu cầu thực tiễn của cách mạng Việt Nam. Cụ thể: tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp; Đường cách mệnh; Tuyên ngôn độc lập ; Sửa đổi lỗi làm việc; Nâng cao đạo đức cách mạng quét sạch chủ nghĩa cá nhân; Di chúc. Những tác phẩm của Hồ Chí Minh có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn giúp cho việc hoạch định những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam. Đồng thời, là văn kiện quan trọng, cương lĩnh hành động của Đảng, qua đó, giúp người học hiểu hết về giá trị, vẻ đẹp của tư tưởng, tâm hồn, nhân cách vĩ đại của một con người cả cuộc đời vì nước vì dân.

6.47. Học phần: 59EPS431: Tâm lý học giáo dục - Số tín chỉ: 3

Học phần Tâm lý học giáo dục là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức cơ sở, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Giáo dục học, Giao tiếp sư phạm và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tâm lý học giáo dục như: bản chất, chức năng, các hiện tượng tâm lý người; đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em ở từng thời kỳ lứa tuổi; cơ sở tâm lý học của hoạt động dạy học; cơ sở tâm lý học của hoạt động giáo dục đạo đức. Đặc biệt, môn học cung cấp cho người học những nội dung cơ bản về các nguyên tắc đạo đức và kỹ năng hỗ trợ tâm lý trong trường học để vận dụng vào việc giảng dạy, nghiên cứu tâm lý con người, hình thành và phát triển nhân cách học sinh, hỗ trợ học sinh giải quyết những khó khăn tâm lý.

6.48. Học phần: 59PEP431: Giáo dục học - Số tín chỉ: 3

Giáo dục học là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm trong chương trình đào tạo giáo viên. Học phần đề cập đến: những vấn đề chung của giáo dục học, lý luận dạy học, lý luận giáo dục, những yêu cầu về nhân cách của người giáo viên trong môi trường đa văn hóa và cách mạng 4.0. Học phần có mối quan hệ với các môn Tâm lý học giáo dục, giao tiếp sư phạm, phương pháp dạy học bộ môn...góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp cho người giáo viên tương lai.

6.49. Học phần: 59TMC431: Lý luận về PP và hình thức tổ chức dạy học GDCT, GDCT- Số tín chỉ: 3

Học phần Lý luận về phương pháp và hình thức tổ chức dạy học giáo dục công dân, giáo dục chính trị trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học bộ môn. Học phần giúp người học nắm được những nguyên tắc, yêu cầu cơ bản trong dạy học môn GDCD, GDCT; hiểu được các hình thức dạy học chủ yếu gắn với đặc thù của bộ môn; hiểu được các phương pháp và phương tiện trong dạy học. Trên cơ sở đó, người học có thể vận dụng để xây dựng thành công kế hoạch dạy học gắn với từng nội dung bài học; thiết kế được các hình thức kiểm tra, đánh giá người học; có khả năng xử lý kết quả kiểm tra để đánh giá người học và điều chỉnh phương pháp dạy học của bản thân cho phù hợp. Học phần góp phần quan trọng trong định hướng, rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên môn GDCD, GDCT.

6.50. Học phần: 59DTE431: Phát triển chương trình GDCD - Số tín chỉ: 3

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về xây dựng chương trình, sách giáo khoa môn Giáo dục công dân ở trường phổ thông. Bao gồm: những vấn đề chung về phát triển chương trình, sách giáo khoa; một số kinh nghiệm quốc tế về phát triển chương trình và sách giáo khoa; phân tích và xây dựng chương trình môn GDCD ở nhà trường phổ thông; phân tích chương trình môn GDCD trong chương trình phổ thông mới 2018 và xây dựng sách giáo khoa GDCD theo định hướng phát triển năng lực.

6.51. Học phần: 59MCS441: Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THCS- Số tín chỉ: 4

Học phần Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THCS trang bị những kiến thức cơ bản về dạy học môn GDCD ở trường THCS, về những kiến thức của môn GDCD lớp 6,7,8,9. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn GDCD ở trường THCS; xây dựng được các kịch bản dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học môn GDCD ở trường THCS.

6.52. Học phần: 59MEH441: Phương pháp dạy học môn Giáo dục Kinh tế và pháp luật ở trường THPT - Số tín chỉ: 4

Học phần Phương pháp dạy học giáo dục kinh tế và pháp luật trang bị những kiến thức cơ bản về lý luận dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật ở phổ thông, về những kiến thức của môn giáo dục kinh tế và pháp luật lớp 10, 11, 12. Trang bị cho sinh viên những kỹ năng cơ bản để thiết kế được kế hoạch dạy học bộ môn; xây dựng các kế hoạch dạy học gắn với từng bài học. Học phần định hướng rèn luyện các năng lực cần thiết cho người học, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội với người giáo viên dạy học môn giáo dục kinh tế và pháp luật.

6.53. Học phần: 59CTE431 Kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCD, GDCT - Số tín chỉ: 3

Học phần này thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm, cung cấp cho sinh viên kiến thức về mục đích, ý nghĩa của việc kiểm tra đánh giá trong giáo dục (chương 1);

những vấn đề chung về kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân, Giáo dục chính trị (chương 2); nội dung và kỹ thuật đánh giá kết quả học tập đối với môn Giáo dục công dân (chương 3); xây dựng quy trình và kỹ thuật thiết kế đề kiểm tra môn GDCD (chương 4); phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học các môn Lý luận chính trị theo định hướng phát triển năng lực (chương 5).

6.54. Học phần: 59PEH431 Thực hành sư phạm môn GDCD ở trường THCS - Số tín chỉ: 3

Học phần Thực hành sư phạm môn GDCD ở trường THCS là học phần quan trọng có ý nghĩa quyết định trong việc hình thành năng lực dạy học môn GDCD ở trường THCS cho sinh viên. Học phần cung cấp cho sinh viên cách thiết kế các kế hoạch: kế hoạch dạy học môn GDCD ở trường THCS của tổ bộ môn, kế hoạch tổ chức các hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy môn GDCD ở trường THCS. Học xong học phần sinh viên còn biết tổ chức và thực hiện thành công một giờ dạy học môn GDCD ở trường THCS.

6.55. Học phần: 59PEH441 Thực hành sư phạm môn GD KT&PL. - Số tín chỉ: 4

Học phần Thực hành sư phạm môn Giáo dục Kinh tế và Pháp luật cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về những định hướng đổi mới thiết kế bài dạy học môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường trung học phổ thông; những kiến thức và kỹ năng cơ bản để thiết kế giáo án và tổ chức thành công một giờ dạy môn Giáo dục kinh tế và pháp luật ở trường phổ thông.

6.56. Học phần: 59COS 431 Giao tiếp sư phạm - Số tín chỉ: 3

Học phần Giao tiếp sư phạm là học phần bắt buộc nằm trong Khối kiến thức nghiệp vụ, có mối quan hệ mật thiết với các học phần khác như: Tâm lý học giáo dục, Giáo dục học và các học phần khác thuộc chương trình đào tạo giáo viên. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giao tiếp, giao tiếp sư phạm như: các giai đoạn của quá trình giao tiếp; nguyên tắc, phong cách, kỹ năng giao tiếp sư phạm, quy tắc ứng xử trong trường học.... Từ đó hình thành ở người học những kỹ năng, thái độ tương ứng để xử lý có hiệu quả các tình huống giao tiếp trong thực tiễn và hoạt động nghề nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh đa văn hóa và công nghệ số.

6.57. Học phần: 59TRA431 Thực tập sư phạm 1 - Số tín chỉ: 2

Học phần Thực tập sư phạm 1 giúp người học hiểu được thực tế giáo dục phổ thông; hiểu được các nội dung công việc chuyên môn của người giáo viên bộ môn, có được những kỹ năng ban đầu về công tác chủ nhiệm lớp; rèn kỹ năng giao tiếp với học sinh và giáo viên ở cơ sở thực tập, qua đó hình thành tình cảm nghề nghiệp, thúc đẩy quá trình tự rèn luyện theo yêu cầu của nghề nghiệp.

6.58. Học phần: 59TRA432 Thực tập sư phạm 2 - Số tín chỉ: 3

Nội dung môn học Thực tập sư phạm 2 nhằm giúp người học hoàn thiện những kỹ năng về công tác chủ nhiệm lớp, công tác giáo dục, nâng cao tình cảm, đạo đức nghề nghiệp; có những kỹ năng cơ bản về soạn bài, lên lớp; tổ chức bài giảng; đánh giá kết quả học tập của học sinh; có thể lên lớp giảng bài và làm chủ nhiệm lớp một cách độc lập.

6.59. Học phần: 59MTR431 Phương pháp luận NCKH ngành GDCT - Số tín chỉ: 3

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hoạt động nghiên cứu khoa học nói chung và nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị nói riêng, bao gồm các vấn đề liên quan đến đề tài nghiên cứu khoa học, khóa luận, luận văn và luận án khoa học ngành Giáo dục chính trị; các phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; những lĩnh vực nghiên cứu khoa học của ngành Giáo dục chính trị và đặc thù của phương pháp nghiên cứu khoa học ngành Giáo dục chính trị; cấu trúc của một công trình nghiên cứu khoa học thuộc chuyên ngành Giáo dục chính trị. Trên cơ sở nền tảng đó, sinh viên được thực hành viết cấu trúc một đề tài nghiên cứu khoa học để tập dượt và trau dồi khả năng và niềm say mê nghiên cứu khoa học của mình.

6.60. Học phần: 59IAE431 Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp- Số tín chỉ: 3

Học phần Đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm của các chương trình đào tạo cử nhân của trường Đại học Sư phạm. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức lý luận cơ bản về đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp, giúp người học phát triển các kỹ năng để thực hiện đổi mới sáng tạo và giáo dục khởi nghiệp cho học sinh ở các trường phổ thông.

6.61. Học phần: 59PSC431 Xử lý tình huống sư phạm GD CD - Số tín chỉ: 3

Học phần Xử lý tình huống sư phạm môn GD CD cung cấp các kiến thức cơ bản về xử lý tình huống sư phạm trong dạy học môn GD CD như lý luận chung về tình huống sư phạm; các thành phần cơ bản của tình huống sư phạm môn GD CD; các kỹ năng cơ bản trong xử lý tình huống sư phạm môn GD CD; một số tình huống sư phạm thường gặp trong dạy học môn GD CD. Học phần này có quan hệ với học phần phát triển kỹ năng con người và các học phần nằm trong khối kiến thức nghiệp vụ sư phạm.

6.62. Học phần: 59DIC431 Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp GD CD - Số tín chỉ: 3

Học phần “Thiết kế các chủ đề dạy học tích hợp môn giáo dục công dân” là một trong những môn học góp phần bồi dưỡng và hình thành ở sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong thiết kế và tổ chức dạy học các chủ đề tích hợp môn giáo dục công dân một cách hiệu quả theo tinh thần đổi mới giáo dục phổ thông 2018. Nội dung học phần tập trung làm rõ vai trò của tổ chức dạy học tích hợp nói chung và tổ chức dạy học tích hợp môn giáo dục công dân ở phổ thông hiện nay. Đồng thời, giới thiệu quy trình xây dựng và tổ chức thực hành thiết kế một số chủ đề tích hợp trong dạy học môn giáo dục công dân ở trung học phổ thông gắn với chương trình phổ thông tổng thể vừa được ban hành.

6.63. Học phần: 59FAE431 Giáo dục gia đình - Số tín chỉ: 3

Học phần Giáo dục gia đình tiếp cận vấn đề gia đình ở bình diện lý luận về giáo dục nhân cách của trẻ. Trên cơ sở khái quát vai trò và chức năng cơ bản của gia đình qua các giai đoạn phát triển của đất nước, học phần khẳng định tính tất yếu của giáo dục gia đình và làm rõ những nguyên tắc, nội dung cơ bản và các phương pháp chủ yếu trong giáo dục gia đình. Dưới góc độ chính trị - xã hội, học phần Giáo dục gia

đình còn tập trung nghiên cứu những vấn đề mới nảy sinh trong thực tiễn giáo dục gia đình làm rõ yêu cầu của việc phối hợp giữa gia đình, nhà trường và các thiết chế xã hội khác trong giáo dục trẻ.

6.64. Học phần: 59SRH431 Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản - Số tín chỉ: 3

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống kiến thức cơ bản về giới tính, sức khỏe sinh sản nói chung và sức khỏe sinh sản vị thành niên nói riêng cũng như Chiến lược quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản ở Việt Nam. Thông qua việc nghiên cứu học phần Giáo dục giới tính và sức khỏe sinh sản, sinh viên có cơ hội để tiếp cận kiến thức về giới tính và rèn luyện kỹ năng về giáo dục sức khỏe sinh sản. Từ đó, giúp cho người học hình thành những hành vi chuẩn mực về giới nhằm xây dựng cuộc sống tốt đẹp, lành mạnh, an toàn, khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tinh thần.

6.65. Học phần: 59EED431 Giáo dục môi trường - Số tín chỉ: 3

Học phần cung cấp cho người học những vấn đề lý luận chung về môi trường gồm các khái niệm; các nội dung cơ bản về phát triển bền vững, về vai trò của việc bảo vệ môi trường trong để đảm bảo phát triển bền vững, về ô nhiễm môi trường sinh thái và các nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường. Ngoài ra, học phần còn cung cấp những kiến thức cơ bản về giáo dục môi trường như việc cần thiết phải giáo dục ý thức bảo vệ môi trường, các nguyên tắc, các phương pháp giáo dục ý thức bảo vệ môi trường cho học sinh...

6.66. Học phần: 59POL961 Khóa luận tốt nghiệp - Số tín chỉ: 6

Là học phần sinh viên lựa chọn thực hiện khi đủ điều kiện theo quy chế đào tạo hiện hành. Học phần yêu cầu sinh viên phải thực hiện một báo cáo khoa học có đóng góp về lý luận, học thuật hoặc có kết quả mới trong nghiên cứu một vấn đề khoa học mang tính thời sự thuộc ngành Giáo dục chính trị. Khóa luận mà sinh viên thực hiện có thể là một báo cáo chuyên đề kết quả nghiên cứu giải quyết một vấn đề đặt ra trong thực tiễn hoặc báo cáo kết quả tổ chức, triển khai áp dụng một nghiên cứu lý thuyết, một mô hình mới trong lĩnh vực ngành Giáo dục Chính trị vào thực tiễn. Khóa luận phải tuân thủ các quy định hiện hành đối với nhóm ngành: không quá 50 trang, có trên 50% trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của tác giả...

6.67. Học phần: 59OWE931 Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học GD CD - Số tín chỉ: 3

Học phần Tổ chức hoạt động trải nghiệm môn giáo dục công dân góp phần hình thành, phát triển những năng lực cần thiết cho người học gắn với đặc thù bộ môn GD CD ở trường phổ thông. Trong quá trình học tập, người học sẽ được thực hành bốn nhóm hoạt động chính: Hoạt động tự chủ (thích ứng, tự chủ, tổ chức sự kiện, sáng tạo độc lập...); Hoạt động câu lạc bộ (hội thanh niên, văn hóa nghệ thuật, thể thao, thực tập siêng năng...); Hoạt động tình nguyện (chia sẻ quan tâm tới hàng xóm láng giềng và những người xung quanh, bảo vệ môi trường); Hoạt động định hướng (tìm hiểu thông tin về hướng phát triển tương lai, tìm hiểu bản thân... Từ đó, giúp sinh viên định chuẩn được hành vi, bồi đắp lý tưởng và giáo dục tình cảm, niềm tin cho học sinh phổ thông qua các hình thức hoạt động trải nghiệm môn học.

6.68. Học phần: 59MTM931 Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin - Số tín chỉ: 3

Học phần Phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin thuộc khối kiến thức thay thế khóa luận tốt nghiệp. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phương pháp dạy học các môn khoa học Mác – Lênin. Sau khi học xong học phần này, người học có được những kỹ năng cơ bản để thiết kế và tổ chức dạy học các môn khoa học Mác – Lênin đạt hiệu quả cao; hình thành ở người học khả năng làm việc độc lập, làm việc theo nhóm; khả năng vận dụng được kiến thức, kỹ năng chuyên môn để phát triển kỹ năng dạy học các môn khoa học Mác – Lênin theo hướng tiếp cận năng lực và đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản giáo dục hiện nay.

6.69. Học phần: 59VPD931 Văn kiện Đảng - Số tín chỉ: 3

Văn kiện Đảng là môn học nghiên cứu trực tiếp một số văn kiện của Đảng Cộng sản Việt Nam trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam từ năm 1930 đến nay. Môn học gồm 4 chương, các chương 1,2,3 nghiên cứu văn kiện Đảng trong cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân (1930-1975), chương 4 nghiên cứu văn kiện Đảng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975 đến nay).

6.70. Học phần: 59ICM931 Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế - Số tín chỉ: 3

Môn học cung cấp những kiến thức cơ sở, nền tảng góp phần trang bị cho người học thế giới quan khoa học về lịch sử phong trào cộng sản và công nhân quốc tế: Từ phong trào công nhân trước độc quyền đến công xã Pa-ri; Phong trào công nhân quốc tế từ sau công xã Pa-ri đến năm 1917; Quá trình hoạt động của Quốc tế I; Quốc tế II; Quốc tế III; Cương lĩnh chung của phong trào cộng sản; Quá trình phục hồi và phát triển của phong trào công nhân quốc tế từ sau chiến tranh thế giới thứ II đến nay.

Với hệ thống kiến thức trên sẽ giúp người học nhận thức sâu sắc, chính xác về phong trào cộng sản và công nhân quốc tế qua các giai đoạn. Nắm rõ tính tất yếu và xu thế vận động trong cuộc đấu tranh thực hiện sứ mệnh lịch sử toàn thế giới của giai cấp công nhân.

6.71. Học phần: 59MWP931 Triết học phương Tây hiện đại - Số tín chỉ: 3

Học phần Triết học phương Tây hiện đại cung cấp các nội dung cơ bản về điều kiện ra đời và đặc điểm triết học của trường phái triết học phương Tây hiện đại với tư cách là một nền triết học mới trong lịch sử tư tưởng triết học nhân loại. Giới thiệu với người học các trào lưu triết học phương Tây hiện đại xuất hiện cùng thời với triết học Mác, nhưng khác về bản chất so với chủ nghĩa Mác - đó là các trường phái: Chủ nghĩa Thực chứng, Chủ nghĩa Hiện sinh, Chủ nghĩa Freud, Chủ nghĩa thực dụng... Làm rõ mối liên hệ giữa lịch sử triết học phương Tây cổ đại, trung đại, cận đại và triết học Mác - Lênin với các trào lưu triết học phương Tây hiện đại.

TRƯỞNG KHOA

NGUYỄN THỊ KHƯƠNG